

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)

KCX và CN Linh Trung III, Khu phố Suối Sâu, Phường An Tịnh

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2510130017-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00195719

Tên mẫu :

Nước tại vòi xả đầu mạng lưới

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

13/10/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 20/10/2025

Thời gian thử nghiệm :

13/10/2025 - 17/10/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCĐP<br>01:2024/TN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <1                 |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <3                 |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 CI B:2023                           | Không phát hiện<br>(LOD=0.08)  | 0.2-1.0            |
| 4   | VD911 VD (a) Arsen (As)                                                          | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01               |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                 |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.15                           | 6.0-8.5            |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Không phát hiện<br>(LOD=0.2)   | 2.0                |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=0.3)   | 2                  |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 0.3                |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | Không có mùi lạ    |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | Không có vị lạ     |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 22/10/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 22/10/2025.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)

KCX và CN Linh Trung III, Khu phố Suối Sâu, Phường An Tịnh

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2510130017-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00195720

Tên mẫu :

Nước tại vòi xả giữa mạng lưới

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

13/10/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 20/10/2025

Thời gian thử nghiệm :

13/10/2025 - 17/10/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCĐP<br>01:2024/TN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <1                 |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <3                 |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 CI B:2023                           | Không phát hiện<br>(LOD=0.08)  | 0.2-1.0            |
| 4   | VD911 VD (a) Arsen (As)                                                          | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01               |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                 |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.18                           | 6.0-8.5            |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Không phát hiện<br>(LOD=0.2)   | 2.0                |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=0.3)   | 2                  |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 0.3                |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | Không có mùi lạ    |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | Không có vị lạ     |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 22/10/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 22/10/2025.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)

KCX và CN Linh Trung III, Khu phố Suối Sâu, Phường An Tịnh

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2510130017-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00195721

Tên mẫu :

Nước tại vòi xả cuối mạng lưới

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

13/10/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 20/10/2025

Thời gian thử nghiệm :

13/10/2025 - 17/10/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCĐP<br>01:2024/TN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <1                 |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | <3                 |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 CI B:2023                           | Không phát hiện<br>(LOD=0.08)  | 0.2-1.0            |
| 4   | VD911 VD (a) Arsen (As)                                                          | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01               |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                 |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.16                           | 6.0-8.5            |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Không phát hiện<br>(LOD=0.2)   | 2.0                |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=0.3)   | 2                  |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 0.3                |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | Không có mùi lạ    |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | Không có vị lạ     |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 22/10/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 22/10/2025.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.